

THI LÝ THUYẾT ĐỨT MÔN HỌC CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH LỚP Y5 YHĐ
NĂM HỌC 2014 – 2015

Thời gian làm bài : 45 phút


Sinh viên đọc kỹ các câu hỏi dưới đây và chọn câu trả lời thích hợp. Mỗi câu hỏi chỉ có một câu trả lời đúng. Hãy **gạch chéo** mẫu tự tương ứng với câu hỏi trong bảng trả lời. Nếu chọn sai có quyền chọn lại, mẫu tự bỏ sẽ được khoanh tròn. Không chọn lại lần 2.

Câu...	<input checked="" type="checkbox"/>	B	C	D	E
	chọn				

Câu ...	A	<input checked="" type="checkbox"/>	C	D	<input checked="" type="checkbox"/>
		bỏ			Chon

BẢNG CÂU HỎI:

stt	Nội dung câu hỏi
1.	<p>Khám bệnh nhân chấn thương chúng ta cần hỏi kỹ nguyên nhân và cơ chế chấn thương để :</p> <p>A. Có biện pháp điều trị thích hợp.</p> <p><input checked="" type="radio"/> B. Tiên lượng các biến chứng và tổn thương đi kèm không.</p> <p>C. Để có chẩn đoán chính xác loại gãy.</p> <p>D. Tiên lượng dự hậu</p> <p>E. Tất cả đều đúng.</p>
2.	<p>Liên xương kỳ hai là :</p> <p>A. Quá trình liên xương diễn tiến qua 3 giai đoạn.</p> <p>B. Trên phim X-quang không nhìn thấy rõ cal xương.</p> <p>C. Sự liên xương xảy ra chậm.</p> <p><input checked="" type="radio"/> D. Chỉ A và B đúng.</p> <p>E. Tất cả đều đúng.</p>
3.	<p>Người nhiều tuổi dễ bị gãy cổ xương đùi vì :</p> <p>A. Dễ bị té ngã do yếu sức.</p> <p><input checked="" type="radio"/> B. Cấu trúc xương vùng này bị thay đổi.</p> <p>C. Do dùng nhiều thuốc gây nên giòn xương.</p> <p>D. Mạch máu nuôi xương nghèo nàn.</p> <p>E. Có sự xáo trộn về kích thích tố tăng trưởng.</p>
4.	<p>Bong sụn tiếp hợp là loại gãy xương :</p> <p>A. Làm tróc một mảnh sụn ở đầu xương.</p> <p>B. Rất thường gặp sau chấn thương ở tuổi vị thành niên.</p> <p><input checked="" type="radio"/> C. Có ảnh hưởng đến sự phát triển của xương.</p> <p>D. Do cơ chế chấn thương trực tiếp gây ra.</p> <p>E. Tất cả đều đúng.</p>

Họ và tên: 

Tổ: 

lớp: 

SBT:

0018

(SV chỉ ghi họ tên tổ lớp trong tờ giấy này, không ghi trong bảng trả lời)

10. Trong chấn thương chi sở sốc là:
- A. Chỉ số giữa Huyết áp tâm thu / số mạch trong 1 phút.
 - ☒ B. Bình thường < 1
 - C. Để tiên lượng tình trạng suy sụp tuần hoàn của bệnh nhân do mất máu.
 - D. Để theo dõi và đánh giá ở từng thời điểm.
 - E. Tất cả đều sai.

11. Biến chứng của gãy xương có nguy cơ gây tử vong là:

- 1. Sốc.
- 2. Chèn ép khoang thực sự.
- 3. Tắc mạch máu do mỡ.
- 4. Rối loạn dinh dưỡng.

A. Nếu 1,2,3 đúng.

☒ B. Nếu 1,3 đúng.

C. Nếu 2,4 đúng.

D. Nếu chỉ 4 đúng.

E. Nếu tất cả đều đúng.

12. Nguyên nhân chính gây nên sốc chấn thương là:

A. Gãy nhiều xương.

B. Gãy xương lớn.

C. Đau quá mức hoặc do mất máu nhiều.

D. Do vận chuyển bệnh nhân vội vã.

☒ E. Tất cả đều đúng.

13. Triệu chứng nào dưới đây gợi ý cho ta biết bệnh nhân đang bị sốc:

A. Hôn mê.

B. Khó thở.

C. Tay chân lạnh, môi lạnh.

☒ D. Huyết áp tâm thu < 90 mmHg.

E. Mạch > 90 lần / phút.

14. Một bệnh nhân bị chèn ép khoang cẳng chân, biến chứng này sẽ nặng hơn nếu:

A. Không mổ giải ép sớm.

☒ B. Có kèm thêm sốc chấn thương.

C. Không được bất động tốt xương gãy.

D. Không kê cao chi.

E. Tất cả đều sai.

15. Dấu bấm móng tay là dấu hiệu thường dùng để chẩn đoán các bệnh lý sau:

1. Sốc chấn thương.

2. Sốt nhiễm trùng.

3. Chèn ép mạch máu.

4. Tắc mạch mỡ.

A. Chỉ 1,2,3 đúng

☒ B. Chỉ 1,3 đúng.

C. Chỉ 2,4 đúng.

D. Chỉ có 4 đúng.

22. Bong gân là tên gọi của tổn thương :
 A. Bong chỗ bám của gân.
 B. Đứt gân và rách bao khớp.
☒ C. Đứt dây chằng của khớp và rách bao khớp.
 D. Một sự giãn dài quá mức và đột ngột các gân cơ xảy ra sau một chấn thương gián tiếp do vặn xoắn hay gấp gúc.
 E. Cả 2 trường hợp A và D.
23. Khi nói về chèn ép khoang, có những ý kiến sau đây, điều nào SAI ?
 A. Chèn ép khoang là biến chứng thường gặp nhất trong gãy 1/3 trên cẳng chân.
☒ B. Sưng căng nề ép động mạch khoeo gọi là chèn ép khoang khoeo.
 C. Chèn ép khoang có thể do những nguyên nhân bên ngoài như băng bột chặt.
☒ D. Trong chèn ép khoang có thể vẫn sờ được mạch vì áp lực ở đó không đủ sức đè bẹp mạch.
 E. Chèn ép khoang và sốc chấn thương có tác dụng hỗ tương, chèn ép khoang sẽ làm nặng hơn tình trạng sốc của bệnh nhân.
24. Để chẩn đoán mức độ bong gân, chúng ta dựa vào nhiều yếu tố, trong các yếu tố dưới đây yếu tố nào giúp chúng ta kết luận.
 A. Bệnh sử khai thác rõ ràng cơ chế chấn thương.
 B. Triệu chứng đau, mức độ và vùng.
 C. Phim X-quang kinh điển, số hóa.
 D. Chụp phim cộng hưởng từ.
 E. Chọc dò ổ khớp.
25. Test McMurray dùng để chẩn đoán :
 A. Đứt dây chằng bên.
 B. Đứt dây chằng chéo.
☒ C. Rách sụn chêm.
 D. Tổn thương bao khớp sau khớp gối.
 E. Tổn thương dây chằng bánh chè.
26. Điều trị triệu chứng đau và phù nề trong bong gân bao gồm các mục tiêu sau: NGOẠI TRỪ:
 A. Băng ép.
 B. Kê cao chi.
 C. Chườm lạnh.
☒ D. Tập vận động sớm.
 E. Dùng thuốc kháng viêm không phải thuộc nhóm steroide.
27. Theo Gustilo, gãy hở độ IIIB là loại gãy xương :
 1- Gãy xương hở có tổn thương phần mềm rộng, xương gãy chéo ngắn.
 2- Phần mềm dập nát, xương gãy ngang đơn giản.
 3- Có phần mềm dập nát nhiều, tổn thương mạch máu và thần kinh cần phục hồi.
 4- Tổn thương phần mềm rộng gồm da, cơ, mạch máu, thần kinh, đầu xương lộ ra trực tiếp.
 A. Nếu 1,2,3 đúng.
 B. Nếu 1,3 đúng.
 C. Nếu 2,4 đúng.
☒ D. Nếu 4 đúng.
 E. Tất cả đều đúng.

28. Chọn câu **SAI**. Đặc điểm xương trẻ em khác với xương người lớn là :
- A. Còn sụn tiếp hợp để nhấm với gầy ở đầu xương.
 - B. Có thể có những kiểu gãy đặc biệt tương như không gãy.
 - C. Xương gầy rất dễ liền.
 - D. Khi gãy xương không cần nắn thật chính xác.
 - ☒ E. Gãy xương có ít biến chứng.

29. Biện chứng thường gặp nhất của gãy thân xương dài trẻ em là :
- A. Cứng khớp gối và hông.
 - B. Liền xương gấp gạc.
 - C. Liền xương, lệch xoay.
 - D. Châm liền xương.
 - ☒ E. Hai chân phát triển không đều.

30. Nguyên nhân phân loại vết thương trực da dựa vào :
- A. Mức độ nông sâu của tổn thương da.
 - B. Theo kích thước dài ngắn, nông sâu của tổn thương da.
 - C. Theo mức độ của tổn thương phần mềm.
 - D. Dựa trên cơ sở nguồn gốc của sự cung cấp máu cho da.
 - E. Tất cả đều đúng.

31. Điều trị cấp cứu vết thương dập nát phần mềm người ta thực hiện những công việc sau :
- ☒ A. Rửa sạch vết thương và cắt lọc các mô dập nát da để hở.
 - B. Cắt lọc vừa đủ khâu da kín.
 - C. Tiêm kháng sinh theo kháng sinh đồ và bất động chi.
 - D. Kê cao chi, tập vận động chi tổn thương sớm.
 - E. Tất cả đều đúng.

32. Tổn thương giải phẫu chủ yếu trong trật khớp là :
- ☒ A. Sụn khớp, bao hoạt dịch, bao khớp và dây chằng.
 - B. Xương, sụn khớp.
 - C. Mạch máu, cơ, thần kinh.
 - D. Sụn khớp, sụn nệm, bao khớp, gân cơ, da.
 - E. Da và mô dưới da, gân, bao khớp và dây chằng.

33. Trật khớp cũ là loại trật khớp có :
- A. Thời gian đến khám muộn sau 2 tuần.
 - ☒ B. Bệnh nhân đến khám muộn sau 3 tuần.
 - C. Cổ kèm theo mảnh gãy xương chưa lành.
 - D. Hay bị trật lại mỗi khi có chấn thương mạnh gây vận xoắn.
 - E. Không có dấu lõm xo và ổ khớp rỗng.

34. Trong gãy 2 xương cẳng tay, chúng ta chú ý đến vận động sắp-ngửa. Các thành phần sau đây tham gia chính các vận động này :

- ☒ A. Cơ nhị đầu, cơ sắp tròn, cơ ngửa ngán, cơ sắp vuông.
- B. Cơ ngửa ngán, cơ ngửa dài, cơ sắp tròn, cơ sắp vuông.
- C. Cơ nhị đầu, cơ cánh tay quay, cơ sắp cổ tay quay, cơ sắp cổ tay trụ.
- D. Cơ tam đầu, cơ nhị đầu, cơ đuôi cổ tay, cơ ngửa ngán.
- E. Cơ ngửa ngán, màng liên cốt, cơ sắp tròn, cơ sắp vuông.

35. Viêm xương đường mủ có đặc điểm là:
1. Thường khởi đầu ở hành xương
 2. Thường xảy ra ở trẻ em
 3. Trong giai đoạn cấp tính áp lực trong tủy xương tăng lên cao
 4. Li khi có di chứng biến dạng xương

☒ A. 1, 2, 3 đúng

B. 1, 3 đúng

C. 2, 4 đúng

D. Chỉ 4 đúng

E. Tất cả đều đúng

36. Những yếu tố nào dưới đây góp phần khó khăn trong điều trị trật khớp cũ:

A. Cơ bị teo do không hoạt động lâu ngày.

B. Bao khớp đã liền sẹo và gân cơ co rút.

C. Mặt sụn khớp bị hư, ổ khớp không còn hoạt dịch để bôi trơn.

D. Bệnh nhân đau nhiều vì tiêm thuốc tê vào ổ khớp không còn tác dụng.

☒ E. Tất cả đều đúng

37. Trật khớp vai thường gặp nhất có các triệu chứng sau đây:

A. Cánh tay đang vọt xoay trong.

☒ B. Cánh tay đang vọt xoay ngoài.

C. Cánh tay khép và xoay trong.

D. Cánh tay khép và xoay ngoài.

E. Cánh tay đang vọt đưa ra trước.

38. Tổn thương thần kinh đi kèm trong trật khớp vai thường gặp là:

A. Thần kinh giữa.

B. Thần kinh quay.

C. Thần kinh trụ.

D. Thần kinh mũ.

☒ E. Thần kinh cơ, bì

Sách

III

39. Sau khi nắn trật khớp vai, cho bệnh nhân chụp X-quang kiểm tra bình diện mặt ở tư thế c tay để xác định:

A. Xem khớp có bị trật lại không

B. Xem cụm g bả vai cánh tay có bị gãy không

C. Xem có dấu hiệu lún chỏm không

D. Xem hõm khớp có bị gãy, nứt không

E. Xem mô u động lớn nơi bám của cơ trên gai cơ sườn thượng không

40. Để tháo nẹp ở phần ngón tay dài là thành công cần phải

1. Khử u nẹp thông ít nhất một động mạch chính và một tĩnh mạch chính

2. Phần dưới của phải cắt bỏ một đầu ngón tay

3. Phần ngón tay dài phải được ngâm trực tiếp vào nước đá

4. T nẹp gần từ lúc bị thương đến lúc tháo nẹp trước 6 giờ

A. 1, 3 đúng

B. 1, 3 đúng

C. 2, 4 đúng

D. Chỉ 4 đúng

E. Tất cả đều đúng

41. Trong nạn kẹt gãy 2 xương cẳng tay, người ta chú ý đến tư thế cẳng tay nhằm mục đích
- A. Nắn xương không gây đau.
 - ☒ B. Nắn di chệch và di lệch bên trước.
 - C. Đem đoạn gãy ngoài biển áp vào đoạn gãy trung tâm.
 - D. Tách không cho xương quay chum vào xương trụ.
 - E. Để quan sát dễ dàng trục cẳng tay, cẳng tay không để vẹo trong hay vẹo ngoài.
42. Để chẩn đoán gãy trật Monteggia chúng ta tìm :
- A. Xem toàn bộ xương quay có gãy không đồng thời xem chỏm quay nằm ở đâu.
 - B. Cẳng tay biến dạng mở góc vào trong và đầu dưới xương trụ trật ra ngoài.
 - ☒ C. Chỏm xương quay không nằm trước mỏm trên lồi cầu khi khuỷu gấp, đồng thời có đầu chỏm và biến dạng ở 1/3 trên xương trụ.
 - D. Mỏm khuỷu có gãy và trật ra trước không.
 - E. 1/3 dưới xương quay có gãy và trật khớp quay trụ dưới không.
43. Gãy trên lồi cầu xương cẳng tay là loại gãy xương :
- A. Thường gặp ở người nhiều tuổi.
 - B. 50% là loại gãy đứt.
 - C. Gãy xương thiếu khớp dễ làm cấp kênh mặt khớp.
 - ☒ D. Có thể gặp biến chứng Volkmann.
 - E. Tổn thương hay đi kèm là thần kinh trụ.
44. Đứt gân gấp nông mà không đứt gân gấp sâu ngón tay thì :
- A. Không gấp được đốt 1.
 - B. Gấp được đốt 1 nhưng không gấp được đốt 2 và 3.
 - C. Không gấp được khớp bàn đốt nhưng duỗi được khớp liên đốt.
 - ☒ D. Không gấp được khớp liên đốt 1 khi cố định duỗi các ngón kế cận.
 - E. Không gấp được khớp liên đốt xa.
45. Vết thương bàn tay làm đứt nhanh động mạch chung ngón tay sẽ gây nên hậu quả :
- A. Hoại tử thiếu máu đầu ngón tay.
 - B. Mất cảm giác ở đầu ngón.
 - C. Hoại tử cả 2 ngón liên hệ.
 - D. Dễ bị hoại tử ngón tay liên hệ khi chích thuốc tê vào gốc ngón.
 - ☒ E. Không nguy hiểm gì cả.
46. Viêm xương tủy đường máu trên xương dài thường gặp ở vị trí :
- A. Sụn mặt khớp.
 - B. Chỏm xương.
 - C. Sụn tăng trưởng.
 - ☒ D. Hành xương.
 - E. Thân xương.
7. I. Trật khớp dễ muộn thường khó nắn
II. Các mô xơ lấp đầy ổ khớp trong trật khớp muộn
- ☒ A. I đúng, II đúng, có liên quan nhân quả
 - B. I đúng, II đúng, không có liên quan nhân quả
 - C. I đúng, II sai
 - D. I sai, II đúng
 - E. I và II đều sai.